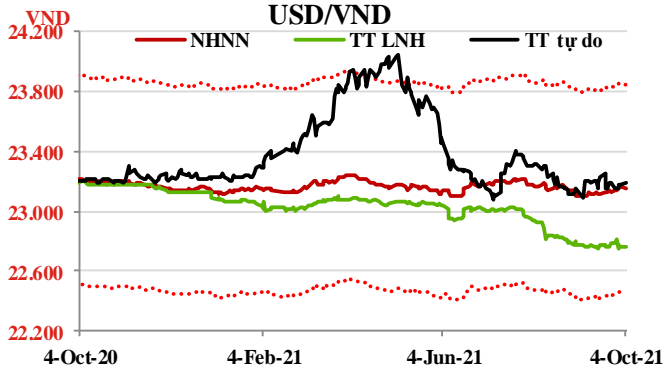


Tin trong nước ngày 04/10

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 04/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.156 VND/USD, giảm nhẹ 04 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 22.750 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.801 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.770 VND/USD, tăng 11 đồng so với phiên 01/10. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 23.100 - 23.190 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 04/10, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn ON trong khi giảm 0,01 - 0,02 đpt ở các kỳ hạn còn lại từ 1M trở xuống so với phiên cuối tuần, cụ thể: ON 0,70%; 1W 0,80%; 2W 0,90 và 1M 1,15%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 - 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,14; 1W 0,18%; 2W 0,23%, 1M 0,30%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn 10Y, cụ thể: 3Y 0,84%; 5Y 0,94%; 7Y 1,25%; 10Y 2,13%; 15Y 2,39%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, lực cầu tăng mạnh nhờ các cổ phiếu thuộc nhóm than, phân bón, thép, khí đốt, đồng thời dòng tiền cũng đổ vào nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 4,65 điểm (+0,35%) lên 1.339,54 điểm; HNX-Index tăng 4,40 điểm (+1,23%) lên 360,89 điểm; UPCoM-Index tăng 0,20 điểm (+0,21%) lên 96,18 điểm. Thanh khoản thị trường tăng tích cực so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt trên 28.200 tỷ VND. Khối ngoại tiếp tục bán ròng khoảng gần 349 tỷ VND trên cả ba sàn.
- Theo kết quả khảo sát của Markit, Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 9/2021 không thay đổi so với tháng trước, vẫn ở mức 40,2 điểm, báo hiệu điều kiện kinh doanh xấu đi rõ rệt trong toàn ngành. Sản lượng của ngành sản xuất Việt Nam tiếp tục giảm mạnh trong tháng 9 khi lĩnh vực này tiếp tục bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19 và những hạn chế được đưa ra để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh. Các đơn đặt hàng mới giảm mạnh với mức độ lớn nhất kể từ tháng 4/2020. Số lượng công việc tồn đọng tăng nhanh nhất được ghi nhận khi sản lượng giảm mạnh; lực lượng nhân sự giảm với tốc độ kỷ lục và sự gián đoạn chuỗi cung ứng chưa từng có vẫn tiếp tục.**


Lãi suất LNH
Trái phiếu

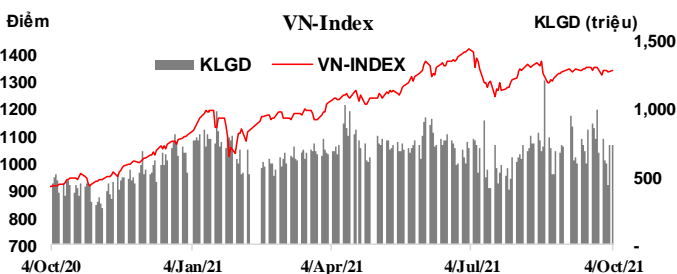
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.70	0.01	0.14	0.01	3Y	0.84	0.017
1W	0.80	-0.01	0.18	0.01	5Y	0.94	0.004
2W	0.90	-0.02	0.23	0.02	7Y	1.25	0.006
1M	1.15	-0.01	0.30	0.01	10Y	2.13	0.000
2M	1.48	0.04	0.40	0.01	15Y	2.39	0.001
3M	1.58	0.02	0.46	-0.03			
6M	1.83	0.02	0.80	0.04			
9M	2.44	0.02	1.15	0.15			
1Y	2.93	0.11	1.20	0.12			

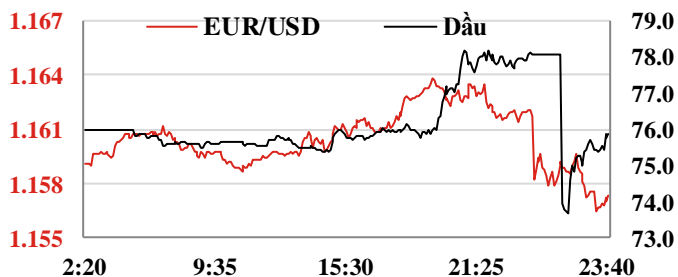
Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

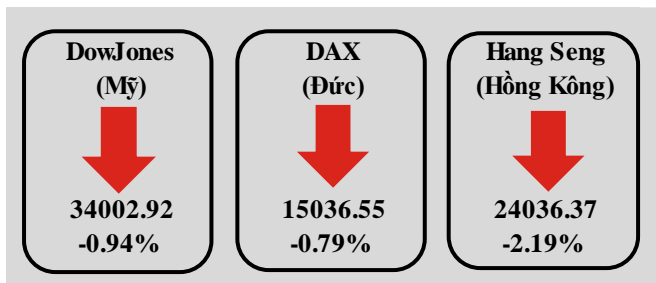
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
04-10-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
01-10-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
30-09-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1339.54	360.89	96.18
%/ngày	0.35%	1.23%	0.21%
%/31/12/2020	21.35%	77.7%	29.2%
KLGD (tr.d.v)	736.08	142.45	109.3
GTGD (tỷ đ)	22880.99	3164.76	2171.45
NĐINN mua (tỷ đ)	860.61	17.72	0.61
NĐINN bán (tỷ đ)	1204.17	22.75	0.89





	4 Oct 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	93.78	-0.28%	0.42%	4.27%
USD/CNY	6.45	0.00%	-0.17%	-1.22%
USD/EUR	0.86	-0.23%	0.63%	5.09%
USD/JPY	110.87	-0.16%	-0.12%	7.39%
USD/KRW	1184.12	0.32%	0.52%	9.19%
USD/SGD	1.36	0.01%	0.23%	2.69%
USD/TWD	27.93	0.63%	0.76%	-0.52%
USD/THB	33.76	0.54%	0.51%	12.38%
USD/VND Trung tâm	23156	-0.02%	0.06%	0.11%
USD/VND LNH	22770	0.05%	-0.08%	-1.38%
USD/VND tự do	23100	-0.13%	0.43%	-0.86%
Vàng	1769.51	0.52%	1.12%	-6.70%
Dầu	77.62	2.29%	2.88%	59.98%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0725	-0.0019		
SW	0.0761	0.0055		
1M	0.0779	0.0026	0.2657	0.0000
2M	0.1059	-0.0041		
3M	0.1266	-0.0065	0.4292	0.0000
6M	0.1555	-0.0015	0.5911	0.0000
1Y	0.2320	-0.0029	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 01/10/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	02/11/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	28/10/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	04/11/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/10/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	05/10/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Tổ chức Thương mại Thế giới WTO nâng triển vọng thương mại toàn cầu.** Cụ thể, ngày 04/10, WTO dự báo giá trị thương mại toàn cầu năm 2021 có thể tăng 10,8%; cao hơn 2,0 đpt so với dự báo đưa ra hồi tháng 3. Trong năm 2022, con số tăng trưởng có thể ở mức 4,7%; cũng điều chỉnh tăng 0,7% so với dự báo trước. Tuy nhiên, WTO vẫn nhấn mạnh rủi ro lớn nhất cho thế giới vẫn là đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, các vấn đề khác như sự khan hiếm chất bán dẫn và giá nhiên – nguyên liệu tăng cao cũng ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng, nhưng chỉ là nhất thời và không ảnh hưởng quá nhiều tới đà phục hồi thương mại chung của thế giới.
- Giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại Mỹ tăng tương đối tích cực trong tháng vừa qua.** Văn phòng Điều tra Dân số Mỹ cho biết giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại nước này tăng 1,2% m/m trong tháng 9, nối tiếp đà tăng 0,7% của tháng trước đó và vượt nhẹ so với kỳ vọng ở mức 1,1%. So với cùng kỳ năm trước, giá trị đơn đặt hàng nhà máy trong tháng 9 đã tăng tới 18,0%. Các chuyên gia cho biết đà phục hồi trong lĩnh vực sản xuất của nước Mỹ được duy trì khá tích cực trong những tháng gần đây. Các doanh nghiệp tiếp tục gia tăng lượng hàng tồn kho nhằm củng cố tính bền vững trong hoạt động kinh doanh.
- Nhật Bản chính thức có tân Thủ tướng.** Ngày 04/10, lưỡng viện thuộc Quốc hội Nhật Bản đã chính thức bầu ông Fumio Kishida – Chủ tịch Đảng Dân chủ Tự do làm Thủ tướng thứ 100 của quốc gia này. Nhiều phương tiện truyền thông của Nhật Bản đưa tin ông Fumio Kishida sẽ có bài phát biểu về chính sách đầu tiên tại Quốc hội vào ngày 08/10, sau đó trả lời câu hỏi của các Đảng khác từ ngày 11 đến ngày 13/10.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
04-10	21:00	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại Mỹ mm T9	1.2	1.1	0.7
05-10	7:30	*	Doanh số bán lẻ Úc mm T8		-1.7	-1.7
05-10	10:30	***	LSCS NHTW Úc RBA		0.1	0.1
05-10	15:30	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Eurozone T9		56.3	56.3
05-10	15:30	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Anh T9		54.6	54.6
05-10	16:00	*	PPI Eurozone mm T8		1.3	2.3
05-10	21:00	***	PMI lĩnh vực dịch vụ ISM Mỹ T9		59.9	61.7

VN-INDEX

Daily .VNI

12/4/2021 - 22/10/2021 (HAN)



VN-Index tăng lên mức 1339,54 điểm. VN-Index có thể sẽ tiếp tục giảm co với biên độ hẹp ở các phiên giao dịch kế tiếp.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.320 – 1.300

Ngưỡng kháng cự: 1.360 – 1.380

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn